

THIÊN TAI VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI CỦA NGƯỜI BRU-VÂN KIỀU VÙNG BIÊN GIỚI TỈNH QUẢNG BÌNH¹

TS. Phạm Thị Cẩm Vân

Viện Dân tộc học

Email: phamcamvan0403@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích tác động của lũ lụt, hạn hán, bão và áp thấp nhiệt đới đến đời sống của người Bru-Vân Kiều ở xã biên giới Kim Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình và những biện pháp phòng chống thiên tai của họ. Kết quả nghiên cứu cho thấy dưới sự hướng dẫn của chính quyền địa phương, người Bru-Vân Kiều đã lựa chọn một số giải pháp để phòng chống thiên tai như: trồng cây chịu hạn, thay đổi lịch mùa vụ để tránh lũ và tạo hàng rào xanh góp phần giảm tác động của bão, áp thấp nhiệt đới. Tuy nhiên, tình trạng tỷ lệ nghèo cao, thiếu đất sản xuất, cơ sở hạ tầng chưa phát triển và yếu tố tâm lý tộc người là những nhân tố khiến quá trình phòng chống thiên tai của người Bru - Vân Kiều nơi đây chưa thực sự bền vững.

Từ khóa: Người Bru-Vân Kiều, thiên tai, vùng biên giới, Quảng Bình.

Abstract: The article focuses on analyzing the impacts of floods, droughts, storms, and tropical depressions on the lives of the Bru-Van Kieu people in Kim Thuy border commune, Le Thuy district, Quang Binh province, and the natural disaster prevention measures they have taken. Research results show that under the guidance of local authorities, the Bru-Van Kieu people have chosen some solutions to prevent natural disasters, such as planting drought-resistant trees, changing the crop calendar to avoid floods, and creating green fences to reduce the impact of storms and tropical depressions. However, the high poverty rate, lack of productive land, underdeveloped infrastructure, and ethnic psychology are factors that make the process of natural disaster prevention for the Bru-Van Kieu people here unsustainable.

Keywords: Bru-Van Kieu people, natural disasters, border areas, Quang Binh.

Ngày nhận bài: 7/5/2024; ngày gửi phản biện: 14/5/2024; ngày duyệt đăng: 24/6/2024.

Mở đầu

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc,

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ (2023 -2024) “Vấn đề phòng chống thiên tai của người Bru-Vân Kiều ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tỉnh Quảng Bình”, do TS. Nguyễn Công Thảo làm Chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì.

sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác (Quốc hội, 2013). Khu vực biên giới Việt Nam - Lào của tỉnh Quảng Bình bao gồm 9 xã thuộc 5 huyện biên giới² có địa hình dốc hẹp và độ chia cắt mạnh, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai (bão, lũ, lụt, nước dâng, hạn hán). Tại huyện biên giới Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình, chỉ tính riêng năm 2020, lượng mưa lớn trong tháng 10 đã làm thiệt hại về người, nhà cửa, các sản phẩm nông sản, tổng ước tính lên tới 1.000 tỷ đồng; năm 2021, riêng 3 ngày mưa lớn (từ 16-18/10/2021) khiến hơn 2000 ngôi nhà bị ngập và nhiều diện tích hoa màu trên đất nông nghiệp bị ảnh hưởng (UBND huyện Lệ Thủy, 2022).

Người Bru-Vân Kiều là một trong những cộng đồng có lịch sử tụ cư lâu đời ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Trong những năm gần đây, khi vấn đề thiên tai, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu và nước biển dâng ngày càng trở nên nghiêm trọng, đặc biệt là vùng núi, biên giới và khu vực ven biển, đã có nghiên cứu thể hiện xu hướng tìm hiểu sự tác động của thiên tai đến đời sống cộng đồng đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa và vùng biên giới (Nguyễn Công Thảo, 2023b). Trước tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai, người nghèo, nhóm trẻ em và phụ nữ cũng là những đối tượng dễ bị tổn thương và gặp trở ngại trong quá trình thích ứng với biến đổi khí hậu và ứng phó với thiên tai (Nguyễn Thắm Thu Hà, Phạm Thị Cẩm Vân, 2022). Tương tự như vậy, tại khu vực biên giới Việt Nam - Lào, cộng đồng dân tộc thiểu số nơi đây cũng dễ chịu tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu. Những yếu tố khiến họ khó khăn khi ứng phó với thiên tai là đói nghèo, sử dụng đất đai và hệ thống thủy lợi (Nguyễn Công Thảo, 2023a). Với cộng đồng người Bru-Vân Kiều ở tỉnh Quảng Bình, một cộng đồng có mức sống thấp so với mặt bằng chung của khu vực, khi thiên tai xảy ra, tình trạng nghèo đói, thiếu đất canh tác và đất ở..., là những trở ngại đối với họ trong việc khôi phục lại cuộc sống (Nguyễn Công Thảo, 2024). Mặc dù vậy, người dân cũng đã có những hành động để phòng chống khi thiên tai xảy ra.

Bài viết này, trên cơ sở nghiên cứu thực địa tại hai thôn Mít Cát và Hà Lạc, xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình vào tháng 4/2023, muốn góp thêm cái nhìn sâu sắc hơn về thiên tai và những vấn đề có liên quan ở người Bru-Vân Kiều vùng biên giới Việt Nam - Lào. Nội dung bài viết tập trung vào các tác động của một số loại hình thiên tai và cách phòng chống³ của người Bru-Vân Kiều trong hoạt động trồng trọt (cây lúa, cây sắn, cây keo và một số loại hoa màu khác). Kết quả nghiên cứu dựa trên phân tích số liệu thống kê của chính quyền địa phương và các cuộc phỏng vấn sâu trong quá trình thực địa tại địa bàn nghiên cứu.

² 5 huyện biên giới và 9 xã biên giới của tỉnh Quảng Bình bao gồm: Huyện Minh Hóa (4 xã: Trọng Hóa, Dân Hóa, Hóa Sơn, Thượng Hóa), huyện Tuyên Hóa (1 xã: Thanh Hóa), huyện Bố Trạch (1 xã: Thượng Trạch), huyện Quảng Ninh (1 xã: Trường Sơn) huyện Lệ Thủy (2 xã: Kim Thủy, Lâm Thủy).

³ Phòng, chống thiên tai: là quá trình mang tính hệ thống, bao gồm hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai (Quốc hội, 2013).

1. Giới thiệu địa bàn nghiên cứu

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình có diện tích tự nhiên khoảng 3.845km², gồm 9 xã giáp biên với hơn 222km đường biên giới với nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào. Về dân số: toàn tỉnh có 913.860 người (tính đến 31/12/2022), trong đó: số lượng người dân tộc thiểu số là 6.417 hộ, 27.004 nhân khẩu, dân tộc Bru-Vân Kiều chiếm 70,82% số hộ (UBND tỉnh Quảng Bình, 2022)⁴.

Lệ Thủy là huyện nằm ở phía Nam của tỉnh Quảng Bình, có 2 xã giáp với biên giới Việt Nam - Lào là Ngân Thủy và Kim Thủy. Kim Thủy thuộc khu vực địa hình núi cao của huyện Lệ Thủy với độ cao trung bình từ 600m - 800m, độ dốc từ 20⁰-25⁰; Nơi đây có khí hậu chia làm 2 mùa: khô nóng (tháng 3 đến tháng 8) và mùa mưa (từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau). Lệ Thủy được bao quanh bởi nhiều ngọn núi hiểm trở, sông suối nhỏ quanh co theo địa hình. Khi có mưa, tất cả nguồn nước đổ về thượng nguồn sông Kiến Giang nên thường gây ra những đợt nước dâng đột ngột tạo ra những trận lũ bất thường. Tại hai điểm nghiên cứu là thôn Mít Cát và thôn Hà Lọc, nơi sông Kiến Giang và sông Long Đại chảy qua, mùa mưa thường xảy ra ngập úng. Trong địa bàn thôn Hà Lọc lại được chia thành 3 khu dân cư, khu chính (thôn Hà Lọc gốc) nằm bên bờ tây sông Kiến Giang là khu dân cư được hình thành từ năm 2012. Khu dân bên bờ đông sông Kiến Giang vốn là bản gốc Hà Lọc, nhưng do cơ sở hạ tầng khó khăn, một số hộ đã chuyển sang khu mới bên này sông để sinh sống.

Về sinh kế, người dân xã Kim Thủy phát triển trồng trọt, chăn nuôi và khai thác một số sản phẩm từ rừng. Cây trồng chủ yếu là lúa nước, kết hợp với canh tác trên nương một số loại cây khác như: sắn, ngô, đậu, lạc, ớt,... Từ năm 2005, người dân phát triển trồng cây keo lai, đến nay diện tích keo trung bình khoảng 1,5ha/hộ. Năng suất lúa nước đạt bình quân 45,2 tạ/ha (UBND xã Kim Thủy, 2022). Bên cạnh trồng trọt, người dân cũng khai thác một số sản phẩm từ rừng như: kiếm mật ong, rau măng, ngọn lá nón. Chăn nuôi của người Bru-Vân Kiều phát triển theo quy mô hộ gia đình với các vật nuôi chính là trâu, bò, lợn, gà. Trong vài năm trở lại đây có một số hộ phát triển chăn nuôi dê, tuy nhiên, do thời tiết diễn biến bất thường (mưa lũ, lụt, hạn hán) đã ảnh hưởng không nhỏ đến sinh kế của người dân.

Bảng 1: Một số số liệu thống kê tại xã Kim Thủy (năm 2023)

STT	Nội dung	Xã Kim Thủy	Thôn Mít Cát	Thôn Hà Lọc
1	Diện tích tự nhiên (ha)	48.671,35	4.369,85	3.163,33
2	Số hộ	1.256	78	60
3	Số khẩu	4.689	356	194
4	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	47,3	73	39
5	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	10,2	11	22

⁴ Đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tập trung theo cộng đồng ở 103 thôn, bản thuộc 15 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và 3 bản thuộc xã, thị trấn có đồng bào dân tộc thiểu số của các huyện Minh Hóa, Tuyên Hóa, Bố Trạch, Quảng Ninh và Lệ Thủy.

6	Số hộ Bru-Vân Kiều	780	72	58
7	Tỷ lệ hộ nghèo là người Bru-Vân Kiều (%)	39,27	81,94	53,45
8	Tỷ lệ hộ cận nghèo là người Bru-Vân Kiều (%)	7,8	11,1	17,24

Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Kim Thủy, 2023

2. Thiên tai và tác động của thiên tai tại địa bàn nghiên cứu

Khu vực biên giới Việt Nam - Lào ở tỉnh Quảng Bình nói chung và khu vực huyện Lệ Thủy nói riêng thường chịu ảnh hưởng của một số loại hình thiên tai như: bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất (do mưa lũ hoặc dòng chảy, nắng nóng, hạn hán). Theo kết quả thống kê hàng năm, huyện Lệ Thủy trung bình chịu ảnh hưởng của 2 - 3 cơn bão; có 2 - 3 đợt lũ lụt và hạn hán xảy ra thường xuyên. Bão và áp thấp nhiệt đới thường xuất hiện vào mùa mưa từ tháng 9 - 12, nhiều nhất là tháng 10 và 11.

Theo kết quả quan trắc ở tỉnh Quảng Bình trong những năm gần đây, lượng mưa có sự thay đổi bất thường trong cả mùa khô và mùa mưa. Số liệu thống kê về lượng mưa tại trạm Tuyên Hóa giai đoạn 2019 - 2022 của Trung tâm Khí tượng thủy văn (2023) cho thấy trong những tháng cuối mùa mưa, lượng mưa đo được còn rất lớn, gây ngập úng, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống sản xuất và sinh hoạt của người dân. Đặc biệt, năm 2020, lượng mưa tăng đột biến vào tháng 10 (1.909,8mm) cao hơn mức trung bình trong tháng 10 giai đoạn 2019 - 2020 (chỉ là 823,7mm). Con số này cho thấy sự bất thường về lượng mưa và mực nước sông tại huyện Lệ Thủy. Mưa lớn đã gây ngập lụt và tác động nặng nề đến đời sống và sản xuất của người dân, cụ thể: năm 2020, lũ lụt vào tháng 10 đã làm sạt lở và bồi lấp 20ha đất nông nghiệp; 06 thôn trong xã Kim Thủy bị chia cắt. Theo ký ức của người dân địa phương về trận lũ lịch sử này cho thấy: *“Lũ lụt năm ấy đã làm cho đoạn đường 10 qua địa bàn xã sạt lở, hơn một tuần sau mới thông đường. Người dân trong bản không thể đi chữa bệnh được, đã có trường hợp hộ gia đình con ốm mà phải chờ thông đường mới có thể đi khám chữa bệnh được”* (Phòng văn Hồ Thị L., nữ, 38 tuổi, thôn Hà Lạc). Không chỉ có vậy, nơi ở của người dân cũng tiềm ẩn những nguy cơ sạt lở do mưa lũ kéo dài. Hiện nay, trên địa bàn 7 thôn của xã Kim Thủy đều có những điểm tiềm ẩn nguy cơ sạt lở, đặc biệt là thôn Mít Cát với khoảng 65 hộ có nguy cơ ảnh hưởng bởi sạt lở cao. Địa phương đã có kế hoạch di dời các hộ dân này ra cách nơi ở cũ khoảng 1km nhưng thủ tục chuyển đổi đất chưa được phê duyệt.

Mưa lũ không chỉ ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân mà còn ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, thu hoạch nông sản của họ. Trong sản xuất, lũ bất thường không theo đúng quy luật làm cho thời gian trồng sản muộn hơn so với mọi năm. Cây sản với đặc trưng là ưa khô, nhưng khi trồng lại cần mưa vừa để đất đủ ẩm cho sản lên mầm, mưa quá nhiều mầm sản sẽ bị thối không thể phát triển được. Với đặc trưng thời tiết ở Kim Thủy là tháng 2 sẽ có những cơn mưa đầu mùa cung cấp ẩm cho đất và được người dân lựa chọn làm thời điểm trồng sản. Sau khi trồng một tháng, nếu mưa nhiều thì mầm sản sẽ bị hỏng. Năm 2021, thời tiết mưa

nhiều, lũ tiểu mãn đến sớm từ đầu tháng 3, khiến mầm sắn không phát triển được, người dân phải trồng lại nhiều lần.

Trong thu hoạch, thông thường thời gian thu hoạch sắn sẽ là sau 8 tháng từ lúc xuống giống. Như vậy, nếu sắn được trồng đúng vụ là từ tháng 12 đến tháng 8 năm sau. Đây cũng là thời điểm thích hợp bởi lúc này chưa đến mùa lũ, mực nước sông thấp, xe thu mua có thể qua sông được. Nếu sau tháng 8, đến tháng 9 là bắt đầu mùa lũ, xe chở sắn sẽ không vào nương được, khiến nhiều diện tích sắn không được thu hoạch. Lượng sắn này phải chờ khi nước rút mới thu hoạch sẽ bị xộp và khó bán. Phỏng vấn người dân thôn Mít Cát cho biết: “Năm 2022 trồng sắn lại bị muộn do tháng 2 mưa nhiều, đến 9 tháng mới thu hoạch củ sắn bị xộp nên giá rẻ, rất khó bán. Đồng thời, mưa nhiều làm lở đường, xe có tải trọng 15 tấn đã vào được đến nương sắn, nhưng đường bị sạt lở nên không quay ra được, xe phải ở trong nương 8 ngày sau mới đi được” (Phỏng vấn Hồ Văn N., nam, 45 tuổi, thôn Mít Cát).

Hiện tượng khô hạn và mưa lũ cũng ảnh hưởng đến năng suất cây lúa nước. Điển hình là tháng 5-6/2021 thời tiết khô nắng khiến nhiều diện tích trồng lúa nước bị ảnh hưởng do không được cung cấp nước thường xuyên. Ngược lại, mưa lũ tháng vào 10/2021 làm 80% diện tích lúa nước bị ngập lụt, làm hỏng đường dẫn nước tưới, đất đá vùi lấp ruộng nước (UBND xã Kim Thủy, 2022). Một số thống kê về số liệu thiệt hại do thiên tai gây ra trong giai đoạn 2010-2021 được ghi như sau:

Bảng 2: Một số ảnh hưởng do thiên tai ở huyện Lệ Thủy, giai đoạn 2010-2021

Loại hình thiên tai	Thời gian xảy ra	Thiệt hại
Bão và áp thấp nhiệt đới	Từ tháng 9 - 12, nhiều nhất là tháng 10 và 11	Chịu ảnh hưởng trực tiếp của 16 cơn bão gây thiệt hại lớn đến đời sống và sản xuất của nhân dân, cụ thể: 12 người chết, 65 người bị thương, trên 63 hộ gia đình nhà bị sập, 2.330 nhà bị hư hỏng, giá trị thiệt hại 445,96 tỷ đồng.
Lũ lụt	Trung bình mỗi năm xảy ra 2-5 lần, thường xuất hiện vào tháng 10, 11. Lũ tiểu mãn xuất hiện tháng 4-5. Lũ sớm xuất hiện vào tháng 9 và lũ muộn xuất hiện vào tháng 12	Chỉ tính riêng 3 ngày 16, 17, 18/10/2021 đã có trên 2.580 ngôi nhà và 30 điểm trường bị ngập nước, trong đó có 5 điểm trường ngập sâu từ 1-3m; 5 ngôi nhà bị hư hỏng, 49,87ha rau màu, 17,95ha cá ao hồ bị thiệt hại. Tổng giá trị thiệt hại là 24 tỷ đồng.
Hạn hán	Xảy ra vào thời kỳ mùa khô từ tháng 5-6 hàng năm	Thiếu nước cho sản xuất lúa nước. Ước tính: ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng của trên 10.000ha diện tích sản xuất lúa và hoa màu; Giống vật nuôi bị dịch bệnh và chết làm ô nhiễm môi trường. Năm 2021 có gần 100ha lúa thiếu nước thường xuyên.

Nguồn: Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy, 2022

3. Hoạt động phòng chống thiên tai của người Bru-Vân Kiều trong sản xuất nông nghiệp

3.1. Phòng chống lũ lụt

Hàng năm, trước khi hoạt động trồng trọt diễn ra, người dân sẽ được cán bộ khuyến nông thông tin về lịch mùa vụ. Tuy nhiên, lịch này sẽ có thể phải thay đổi tùy theo diễn biến thời tiết của năm. Bảng dưới đây là lịch mùa vụ thông thường của người dân và lịch thay đổi nếu có sự biến động về thời tiết.

Bảng 3. Lịch mùa vụ của người dân ở xã Kim Thủy

Thời gian	Hoạt động canh tác thông thường	Thay đổi do các hiện tượng thiên tai bất thường
Tháng 1	Chăm lúa, chăm ngô, chăm lạc	Trồng lúa Đông Xuân
Tháng 2	Chăm sắn, trồng keo, chăm lúa, chăm ngô, thu lạc	Dặm lúa, mưa nhiều chưa trồng được sắn
Tháng 3	Trồng keo, chăm lúa	Trồng sắn, chăm lúa
Tháng 4	Gặt lúa, chăm sắn, thu ngô	Chăm lúa
Tháng 5	Chăm sắn, trồng lúa vụ Hè Thu (với ruộng 2 vụ)	Thu lúa Đông Xuân, trồng kiệu, trồng lúa Hè Thu
Tháng 6	Chăm lúa Hè Thu, chăm sắn	Chăm sắn
Tháng 7	Chăm lúa Hè Thu	Chăm sắn
Tháng 8	Chăm keo, thu lúa vụ Hè Thu	Thu sắn, thu kiệu, thu lúa vụ Hè Thu
Tháng 9	Chăm keo	Chăm keo
Tháng 10	Chăm keo, dọn ruộng lúa, đắp bờ	Chăm keo
Tháng 11	Chuẩn bị thóc trồng lúa, hái măng	Chăm keo
Tháng 12	Cấy lúa, trồng khoai, đậu, sắn, ngô	Dọn ruộng, chăm keo, thu kiệu

Nguồn: Khảo sát thực địa tại xã Kim Thủy, 2023

Theo khảo sát tại hai thôn Mít Cát và thôn Hà Lạc, mưa lũ thường gây ra ngập lụt, sạt lở, bồi lấp diện tích trồng lúa nước của người dân. Tuy nhiên, người dân không thể bỏ ruộng nước mà họ vẫn đang tích cực khai hoang mở rộng nhằm tìm kiếm nguồn cung cấp lương thực cho gia đình. Kết quả khảo sát tại hai thôn cho thấy, diện tích lúa ở thôn Hà Lạc là 4,8ha với 1 vụ trồng lúa, trong khi đó tại thôn Mít Cát diện tích này là 2,1ha. Tính bình quân mỗi hộ ở thôn Mít Cát có thể canh tác 0,027ha/hộ và thôn Hà Lạc là 0,08ha/hộ. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ có đất lúa nước ở hai thôn này khá thấp, dưới 30% tổng số hộ. Để có thể giảm thiểu được những ảnh hưởng do lũ, người dân được hướng dẫn sử dụng các giống lúa có thời gian sinh trưởng ngắn ngày và thay đổi thời gian cấy lúa. Cụ thể, vụ Đông Xuân thường được bắt đầu canh tác tháng 12 hàng năm; giống cây thường sử dụng là Dữ Hương 8, Hương Bình với thời gian sinh trưởng 90-95 ngày. Tuy nhiên, tháng 11-12/2022, thời tiết mưa nhiều, người dân không cấy được lúa mà phải chờ sau một tháng mới có thể trồng cấy được. Do lịch mùa vụ thay đổi nên người dân phải chọn giống lúa có thời gian sinh trưởng ngắn ngày hơn (85-90 ngày) như Thiên Ưu, Xuân Mai, PC6, HN6, Hương cốm 4. Việc sử dụng các giống lúa có thời gian sinh

trường ngắn vừa để đảm bảo lịch thời vụ của địa phương khi lũ về, vừa để tranh thủ lượng nước mưa cuối mùa để cây lúa kịp phát triển đúng vụ. Cũng tương tự đối với vụ Hè Thu (gieo từ ngày 30/5-05/6, thu hoạch vào ngày 25 - 30/8), người dân thường sử dụng các giống lúa có thời gian sinh trưởng ngắn ngày để tránh thời gian thu hoạch lúa vào mùa mưa lụt (tháng 9).

Trong những năm gần đây, đặc biệt năm 2020 có đợt lũ lụt lịch sử, một số bản của xã Kim Thủy như Ho Rum, Trung Đoàn, Mít Cát, Chuốt, Bang, An Bai và Hà Lạc, có đất canh tác ở hai bên suối. Vì vậy, khi lũ về diện tích đất này bị cát lấp, muốn trồng tiếp vụ sau người dân phải mất khá nhiều công sức để chuẩn bị ruộng. Hoạt động này vừa tốn kém về kinh tế và công sức nhưng người dân vẫn cố gắng khôi phục ruộng nước để duy trì nguồn lương thực cho gia đình. Khi được hỏi về cách ứng phó của người dân trong cải tạo ruộng nếu như năm nào lúa cũng bị ngập, người dân cho biết họ sẽ phải loại bỏ phần cát vùi lấp và đắp lại bờ. Đối với các hộ không có điều kiện thuê máy xúc hay thuê người thì phải dùng cuốc, xẻng. Do công cụ thô sơ nên việc này cũng tốn khá nhiều thời gian và công sức. Một người dân địa phương cho biết: *“Gia đình có 2 sào lúa, thời gian cải tạo lại ruộng phải đến 10 ngày, với những việc như đắp lại bờ mương, cuốc bằng tay”* (Phỏng vấn Hồ Văn H., nam, 45 tuổi, thôn Mít Cát). Đối với những hộ có điều kiện kinh tế khá hơn, họ có thể thuê người giúp để xúc bỏ lớp cát sỏi vùi lấp ruộng sau lũ. Giá thuê thường là từ 200.000-300.000 đồng/1 ngày công. Với diện tích lúa 100m² thường phải thuê 4-5 công thợ làm trong khoảng 2 ngày. Bên cạnh việc cải tạo ruộng người dân cũng phải đắp bờ và đường mương dẫn nước. Kinh nghiệm là hệ thống dẫn nước này sẽ phải làm lại sau mỗi mùa lũ nên họ không làm bờ quá cao, chỉ trong khoảng 20-30cm để tránh mất nhiều công sức. Sau mỗi mùa lũ, không phải diện tích ruộng nước nào cũng có thể cải tạo lại được. Ở bản Mít Cát cũng có những trường hợp người dân bị mất đất do xói lở mà không thể khôi phục được. Lịch cải tạo ruộng thường được thực hiện từ cuối tháng 12, thời điểm lũ rút để kịp tháng 1 cấy lúa.

3.2. Phòng chống hạn hán

Trước những diễn biến bất thường của thiên tai, chính quyền địa phương đã hướng dẫn người dân trong đó có người Bru-Vân Kiều lựa chọn cây trồng có sức chịu đựng được với hiện tượng thiếu nước so với các cây trồng truyền thống ở địa phương. Một trong các thay đổi này là việc trồng sắn cũng như tăng diện tích cây sắn và giảm diện tích cây ngô; trồng xen canh cây lạc trên diện tích còn duy trì trồng ngô.

Xu hướng này bắt đầu trong khoảng 5 năm trở lại đây, người dân chuyển đổi diện tích từ cây ngô sang trồng sắn nhiều hơn. Tại hai thôn Hà Lạc và Mít Cát, diện tích cây sắn lần lượt là 5,5ha và 5,6ha. Tính trung bình, mỗi hộ ở thôn Hà Lạc có 0,092ha trồng sắn, còn ở thôn Mít Cát có khoảng 0,072ha/hộ. Năng suất sắn bình quân 14-15 tấn/ha tùy vào chất đất có giàu dinh dưỡng hay không. Với giá sắn dao động trong khoảng 1,5 triệu - 1,7 triệu đồng/tấn, tính trung bình mỗi hộ ở bản Mít Cát có thể thu nhập từ cây sắn là 2 - 3 triệu đồng mỗi năm. Khi được hỏi về xu hướng này, người dân cho biết: *“Cây sắn không cần phải chăm sóc nhiều*

và ít bị mất mùa so với trồng ngô nên người dân chuyển dần sang trồng sắn. Năm 2023, nhà mình trồng được 7 sào sắn, thu hoạch được 9 tấn sắn, trừ các chi phí còn thu được 6 triệu đồng” (Phỏng vấn Hồ. Văn V., nam, 24 tuổi, bản Hà Lạc).

Để tăng dinh dưỡng và độ ẩm cho đất trồng ngô, người Bru-Vân Kiều đã trồng xen canh cây lạc trên diện tích còn duy trì trồng ngô⁵. Sau khi đất được làm sạch cỏ, người Bru-Vân Kiều làm luống và tra hạt, xen kẽ một hàng trồng lạc và một hàng trồng ngô. Thời vụ trồng ngô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau và thời vụ trồng lạc từ tháng 12 đến tháng 2 năm sau tùy thuộc vào tình hình thời tiết. Mỗi hàng trồng lạc sẽ cách hàng ngô 15-20cm, khi thu hoạch lạc sẽ không ảnh hưởng đến cây ngô. Người dân địa phương cho rằng: “Trồng lạc không chỉ có vai trò cải tạo đất và giữ ẩm cho ngô phát triển, việc trồng lạc xen canh còn giúp hạn chế được cỏ dại trên ruộng ngô” (PVS, Hồ Th., nữ, 34 tuổi, thôn Hà Lạc). Do điều kiện thất thường về nguồn nước nên người dân chỉ duy trì trồng vụ Đông Xuân cho xen canh lạc và ngô. Bắt đầu vụ Đông Xuân là cuối mùa mưa nên địa phương vẫn duy trì được nguồn nước cung cấp cho cây trồng này.

Việc trồng xen canh cho thấy hiệu quả trong khả năng che phủ, giảm nhiệt độ, tăng độ ẩm và nâng cao độ phì cho đất, từ đó giúp duy trì được năng suất ngô. Tuy nhiên, với diện tích canh tác eo hẹp cùng với việc đa số thương lái tìm mua sắn nên không còn nhiều hộ Bru-Vân Kiều lựa chọn trồng ngô.

3.3. Phòng chống bão

Cây keo bắt đầu được trồng ở xã Kim Thủy từ những năm 2005, giống keo được lựa chọn là keo lai. Theo thống kê của chính quyền địa phương, diện tích keo lai hiện nay khoảng 1,5ha/hộ, tuy nhiên họ chưa thống kê được chính xác diện tích keo do người dân trồng đan xen trên những mảnh nương khác nhau. Qua tìm hiểu tại thôn Hà Lạc, cây keo là một trong những cây trồng chịu ảnh hưởng khá lớn khi có bão, áp thấp nhiệt đới xảy ra. Năm 2013, bão số 10 đã làm xã Kim Thủy thiệt hại 2.335ha keo và thôn Hà Lạc bị thiệt hại 52ha. Trong số diện tích bị ảnh hưởng này, có 18% diện tích bị thiệt hại hoàn toàn (>70%), 67% diện tích thiệt hại nặng và rất nặng (50-70%); và 15% diện tích bị thiệt hại một phần (dưới 30%). Để giảm đi phần nào ảnh hưởng của bão, người dân đã được hướng dẫn trồng vành đai chắn gió và phát lớp thực vật bề mặt sạch sẽ trước khi trồng cây con. Để có thể làm vành đai chống gió, khi keo đã đến tuổi khai thác, họ sẽ không khai thác hết mà giữ lại một vạt cây bao quanh bên ngoài. Vạt này sẽ có tác dụng che chắn gió cho những cây nhỏ được trồng mới ở phần diện tích phía trong. Với vạt keo bên ngoài, người dân sẽ tỉa nhánh, cắt không cho cây ra tán rộng bởi nếu tán lá phát triển rộng khi có gió bão cây sẽ bị cuốn theo; với diện tích cây keo phía trong mới trồng, sau khi được 2-3 năm tuổi sẽ tỉa ngọn không cho cây vươn quá cao. Kỹ thuật này giúp đường kính cây phát triển nhanh hơn và phần nào giảm được sức gió của bão

⁵ Kết quả nghiên cứu của Ngô Minh Đức và cộng sự (2021) chứng minh việc trồng xen cây ngô với cây họ đậu sẽ giúp tạo lớp phủ bề mặt, giúp hạn chế quá trình bốc hơi nước, tăng độ ẩm đất cao hơn 5 - 7% so với trồng ngô thuần.

và sự đổ gãy của cây keo (Wittmann, 2018). Năm 2017, bão số 10 làm cho 6.500ha rừng keo của xã bị ảnh hưởng. Trong số đó: 7,3ha bị thiệt hại hoàn toàn (>70%); 14,6ha thiệt hại rất nặng (50-70%); 21,9ha thiệt hại nặng (30-50%); và 29,2ha thiệt hại một phần (dưới 30%). Có thể nói, phòng chống thiên tai đã được thực hiện tại địa phương nhưng đa số là những giải pháp ngắn hạn trước mắt. Quá trình này phần lớn thông qua sự tuyên truyền hướng dẫn của cán bộ, bộ đội biên phòng mà chưa thấy sự chủ động ứng phó từ cộng đồng người dân.

4. Một số vấn đề đặt ra

- *Về nguồn vốn tái đầu tư cho sản xuất sau thiên tai:* Chính sách của Nhà nước, tình trạng nghèo đói và thiếu đất được coi là các nhân tố có ảnh hưởng lớn đến khả năng phòng chống thiên tai của người Bru-Vân Kiều ở vùng biên giới Việt Nam - Lào (Nguyễn Công Thảo, 2024). Sau mỗi mùa thiên tai xảy ra, người dân thường không có khả năng để tái đầu tư cho sản xuất. Theo thống kê của địa phương, tỷ lệ hộ nghèo trong xã Kim Thủy là 47,3% và tỷ lệ cận nghèo là 10,2%. Ở hai thôn Bản Hà Lọc và Mít Cát, tỷ lệ hộ nghèo lần lượt là 39% và 73% và cận nghèo 22% và 11%. Hàng năm người dân vẫn phải chờ gạo “cứu đói” của Nhà nước, họ không có tài chính để tái đầu tư cho sản xuất. Trong thực tế, người Bru-Vân Kiều hiện nay có một số nguồn thu như: từ trồng cây keo, cây sắn và khai thác rừng (mật ong, kiểm măng, kiểm lá nón,...). Tuy nhiên, các nguồn thu của người dân đều thấp, bấp bênh khiến họ khó có thể thoát nghèo. Việc mở rộng diện tích trồng keo đang được người dân ưu tiên thực hiện, nguồn vốn đầu tư ban đầu cho cây keo (phân bón, giống cây trồng) đều phải từ vay vốn ngân hàng. Một vấn đề xảy ra là sau 3-4 năm, khi có thể khai thác cây keo thì họ lại không được bán, lý do là đất trồng keo chính là đất nương rẫy của người dân từ nhiều đời trước tự khai hoang để trồng ngô và các loại rau màu, sau này chuyển đổi sang trồng keo. Tuy nhiên, với sự thay đổi trong chính sách quản lý và bảo vệ rừng của Chính phủ, một phần diện tích đất canh tác của người dân chồng lấn với diện tích rừng phòng hộ và diện tích thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Động Trâu - Khe Nước. Việc chồng lấn này chưa được giải quyết một cách thấu đáo cho người dân và họ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong khi đó, với sản phẩm là cây lấy gỗ, khi bán phải có chứng nhận quyền sở hữu đất thì người dân mới có thể khai thác được. Với cây sắn, diện tích trồng tương đối hạn hẹp, trung bình mỗi hộ chỉ có thu nhập từ vài triệu đồng/một năm, sau khi thu hoạch và trả nợ tiền mua phân bón đầu vụ, người dân không còn nhiều tiền tiết kiệm để đầu tư cho vụ sau. Điều này khiến người dân không thể chủ động về tài chính cũng như tái đầu tư cho sản xuất sau mùa lũ. Chính quyền địa phương cũng đã tạo điều kiện cho các hộ dân vay vốn để sản xuất/cải tạo lại nhà cửa, nhưng phần lớn là vay mà chưa thể trả được, đồng nghĩa với việc sẽ không thể vay thêm vốn cho sản xuất và tái thiết sản xuất sau khi lũ về.

- *Về yếu tố văn hóa tộc người:* Yếu tố văn hóa tộc người bên cạnh những tác động tích cực, đóng vai trò như là nguồn vốn để phát triển sinh kế địa phương, thì một số yếu tố phong tục, tập quán hay trình độ học vấn (Nguyễn Công Thảo, 2002) hay yếu tố về giới (Phạm Thị

Cẩm Vân, 2020) cũng khiến cộng đồng hạn chế trong đầu tư phát triển sinh kế hay tìm kiếm nguồn sinh kế mới trước ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu. Với cộng đồng người Bru-Vân Kiều khu vực biên giới Việt Nam - Lào, do khó khăn về đất sản xuất cộng thêm thiên tai xảy ra hàng năm đã tạo tâm lý không dám đầu tư cho sản xuất. Hơn thế nữa, trong cộng đồng vẫn còn tư tưởng phân phối bình quân. Điều này vừa có tính tích cực nhưng cũng mang lại tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ từ bên ngoài mà chưa thực sự có cá nhân bứt phá trong việc phát triển sinh kế của địa phương.

- *Về cơ sở hạ tầng tại địa phương*: Việc lũ về hàng năm theo chu kỳ đã làm lở đất và ngập lụt hai bên bờ sông Long Đại đoạn qua địa phận xã Kim Thủy khiến một phần diện tích đất canh tác của người dân bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, do không có nguồn kinh phí nên việc xây kè chống xói lở bờ là điều khó có thể thực hiện. Không chỉ có vậy, cây cầu bắc qua sông Long Đại đoạn qua thôn Mít Cát vẫn chưa có kế hoạch xây dựng. Với đặc điểm vào mùa khô, nước sông chỉ cao 20-30cm, lòng sông là sỏi, cuội nên người dân không gặp nhiều khó khăn khi qua sông. Tuy nhiên, đây là “con đường” duy nhất để xe chở hàng nông sản có thể vào thu mua. Nếu trước khi lũ về, người dân chưa thu hoạch được sản để bán thì phải chờ sau 3 tháng kết thúc mùa lũ mới tiếp tục thu bán nông sản. Tuy nhiên, do quá lứa nên chất lượng cũng như giá bán sản sẽ bị giảm, điều này ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người dân.

Việc có vị trí quá xa trung tâm mà hệ thống giao thông chưa hoàn thiện cũng là một trở ngại trong tiêu thụ nông sản của người dân nơi đây. Để di chuyển từ trung tâm huyện vào đến xã Kim Thủy phải đi 40km qua đường Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, vào mùa mưa lũ, đường Hồ Chí Minh bị sạt lở chia cắt có khi 1 tuần mới thông đường, muốn vào được xã hay ra trung tâm huyện người dân phải đi đường vòng khoảng 250km. Điều này gây khó khăn trong quá trình vận chuyển cũng như thu mua, bán nông sản của người dân địa phương.

Kết luận

Khu vực biên giới của tỉnh Quảng Bình là nơi tụ cư lâu đời của người Bru-Vân Kiều. Đây cũng là nơi có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, thường xuyên chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thiên tai: bão, lũ lụt, hạn hán, sạt lở đất. Để có thể giảm thiểu được những tác hại của thiên tai gây ra, nhất là trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, người Bru-Vân Kiều cùng chính quyền địa phương đã thực hiện một số biện pháp phòng chống. Để đối phó với nạn hạn hán, người dân tìm kiếm cây trồng mới phù hợp với điều kiện khô hạn như lựa chọn cây sắn phù hợp với thời tiết khô hạn, trồng xen canh lạc với ngô để tăng lớp phủ bề mặt, giảm bốc hơi nước. Đối với lũ lụt, người dân thay đổi lịch thời vụ và lựa chọn giống ngắn ngày để vụ thu hoạch không vào mùa lũ, cải tạo lại ruộng lúa trước và sau khi lũ về. Với các hiện tượng bão và áp thấp nhiệt đới, người dân sử dụng kỹ thuật hàng rào xanh để giảm thiệt hại đối với cây keo.

Tuy nhiên, trong quá trình ứng phó trên, người dân còn gặp phải một số trở ngại như: thiếu vốn để tái sản xuất sau thiên tai; không bán được keo do diện tích đất bị chồng lấn, không có giấy chứng nhận quyền sở hữu đất; cơ sở hạ tầng, đường giao thông còn khó khăn,

trắc trở, người dân còn tâm lý trông chờ, ỷ lại chưa thực sự chủ động,... Để phần nào khắc phục và giúp người dân vững vàng hơn trong việc phòng chống thiên tai, một số khuyến nghị đưa ra là: Phát huy hơn nữa tính tự chủ và tích cực của người dân địa phương; sớm hoàn thiện các chính sách về giao đất, giao rừng để người dân yên tâm sản xuất, đặc biệt là sớm hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn là việc làm cần được ưu tiên.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thắm Thu Hà, Phạm Thị Cẩm Vân (Chủ biên, 2022), *Ứng phó với biến đổi khí hậu của người Hmông và người Thái ở tỉnh Sơn La*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Ngô Minh Đức và cộng sự (2021), “Ảnh hưởng của một số cây trồng xen đến hệ thống canh tác ngô trên đất dốc tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam*, số 10, tr. 41-47.
3. Quốc hội (2023), *Luật Phòng, chống thiên tai*, ban hành ngày 2/8/2023.
4. Nguyễn Công Thảo (2023a), “Vai trò của giới tinh hoa trong thúc đẩy năng lực ứng phó với thiên tai cho người dân ở xã Trường Xuân, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr. 88-103.
5. Nguyễn Công Thảo (2023b), “Những yếu tố khiến người dân dễ bị tổn thương do thiên tai ở xã Lâm Đốt, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr. 73-87.
6. Nguyễn Công Thảo (2024), “Một số trở ngại trong phòng chống thiên tai của người Bru-Vân Kiều ở vùng biên giới tỉnh Quảng Bình”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr. 35-49.
7. Trung tâm Khí tượng thủy văn (2023), *Số liệu thống kê lượng mưa, nhiệt độ tại trạm Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình*.
8. Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy (2022), *Quyết định phê duyệt phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn huyện Lệ Thủy năm 2022 trong trạng thái bình thường mới*.
9. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình (2022), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc năm 2022 và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công tác dân tộc năm 2023*.
10. Ủy ban nhân dân xã Kim Thủy (2022), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022, xây dựng kế hoạch năm 2023*.
11. Phạm Thị Cẩm Vân (2020), “Biến đổi khí hậu và ứng phó của người Thái, người Hmông ở xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La trong một số hoạt động sinh kế phi nông nghiệp”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 3, tr. 40-51.
12. Wittmann, N., Jacovelli, P., Locatelli, T., Hồ Đắc Thái Hoàng (2018), *Quản lý rủi ro ở rừng trồng keo chuyển đổi sang rừng gỗ lớn ở Việt Nam*, trên trang <https://www.researchgate.net/publication/331198063> (Truy cập ngày 15/4/2024).